

Số: 07/2021/QĐST – HNGĐ

G, ngày 09 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 156/2020/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Q, sinh năm 1992.

Trú tại: Xóm Hòa Bình, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Trần D D, sinh năm 1989.

Trú tại: Xóm Hòa Bình, xã G, huyện G, tỉnh N.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2021.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Trần Thị Q và anh Trần D D.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về quan hệ con chung:** Chị Trần Thị Q và anh Trần D D đều xác định có hai con chung. Cháu lớn tên là Trần Đức D, sinh ngày 06/8/2010; cháu thứ hai tên là Trần Đức D, sinh ngày 26/10/2013. Nay ly hôn các đương sự thoả thuận giao cháu Trần Đức D chị Trần Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao cháu Trần Đức D cho anh Trần D D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, kể từ tháng 02/2021 cho đến khi các cháu Trần Đức D, Trần Đức D đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị Q và anh Trần D D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

## **2.2. Về tài sản chung và công nợ chung:**

Chị Trần Thị Q và anh Trần D D tự thỏa thuận về tài sản chung, công nợ chung và đều không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung.

**2.3. Về án phí:** Chị Trần Thị Q phải nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số AA/2019/0000174 ngày 30/11/2020. Trả lại cho chị Q số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện G;
- Chi cục Thi hành án DS huyện GV;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ.

**Thẩm phán**

**Nguyễn Hữu Q**